

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2018

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K – TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Xuân Dự.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K – tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị Trần Thị H, sinh năm 1983; ĐKKHKT: xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Hiện trú tại: xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt

- **Bị đơn:** anh Trần Hồng P, sinh năm 1975; ĐKKHKT: xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; hiện trú tại: Khối 4, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Chị Trần Thị H và anh Trần Hồng P kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn năm 2001 tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại xóm 4, xã K được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến việc đôi bên sống ly thân nhau.

Nguyên đơn chị Trần Thị H cho rằng: nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm lối sống, anh P chơi bời, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Mặc dù chị và bố mẹ hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng tình trạng vợ chồng không được cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn. Do không chịu đựng được lối sống của anh P nên chị

đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại xã K sống ly thân từ giữa năm 2016 đến nay, suốt thời gian sống ly thân anh P không quan tâm gì đến mẹ con chị. Chị nhận thấy không thể chung sống cùng anh P được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P để ổn định cuộc sống.

Về con: chị H xác định vợ chồng có ba con chung là Trần Thị Thu T, sinh ngày 10/01/2002; Trần Thị Thu N, sinh ngày 29/3/2008 và Trần Phương O sinh ngày 18/01/2011 hiện đang được chị trực tiếp nuôi dưỡng; khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung và yêu cầu anh P đóng góp tiền nuôi con cho chị là 1.000.000đ/ 1 cháu / 1 tháng. Về tài sản: Chị yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Trần Hồng P sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án do tòa án tổng đạt, không có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của chị H không đến Tòa án để làm việc theo thông báo và giấy triệu tập cũng như hòa giải với chị H. Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Đến ngày 12/7/2018, anh P đến Tòa án nộp đơn đề nghị và đơn xin hoãn phiên tòa; trong đơn xin hoãn phiên tòa anh nêu lý do để có thời gian trao đổi và hòa giải với chị H; trong đơn đề nghị anh không đồng ý ly hôn với chị H vì theo anh mâu thuẫn gia đình anh chưa tới mức trầm trọng và một mình chị H không thể chăm lo được cho các con, anh đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ.

Con chung của anh chị là các cháu Trần Thị Thu T, Trần Thị Thu N và Trần Phương O, trong các bản khai đã thể hiện các cháu đều mong muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa chị H thay đổi quan điểm về việc nuôi con đưa ra quan điểm giải quyết về con chung khi vợ chồng ly hôn như sau: anh P trực tiếp nuôi cháu T, chị trực tiếp nuôi hai cháu N và O; anh P phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu O cùng chị là 1.000.000đ/ tháng kể từ tháng 8/2018 đến khi cháu O thành niên.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các trình tự, thủ tục tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khi tham gia tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí; chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị H, xử ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trần Hồng P. Về con chung: Giao anh Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung của vợ chồng là Trần Thị Thu T, sinh ngày 10/01/2002; Giao cho chị H trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung của vợ chồng là Trần Thị Thu N, sinh ngày 29/3/2008 và Trần Phương O sinh ngày 18/01/2011. Anh P phải cấp dưỡng tiền nuôi con đối với cháu O cho chị H là 1.000.000đ/1 tháng kể từ tháng 8/2018 cho đến khi cháu O thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Trần Thị H yêu cầu giải quyết việc ly hôn tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Trần Hồng P hiện trú tại khối 4, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình, căn cứ điều 27 và 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K, tỉnh Ninh Bình. Mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh P vắng mặt lần thứ hai căn cứ Điều 227 và 228 BLTTDS Tòa án nhân dân huyện K tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn

[2] Chị Trần Thị H và anh Trần Hồng P kết hôn năm 2001 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng đã có thời gian chung sống hạnh phúc tại xóm 4, xã K sau đó mới phát sinh mâu thuẫn vì mâu thuẫn vợ chồng nên từ năm 2016 vợ chồng anh chị đã sống ly thân; anh P về sinh sống tại nhà bố đẻ của anh ở khối 4, thị trấn B; chị H cùng các con chung về ở với bố mẹ đẻ của chị tại xóm 2, xã K.

[3] Về nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H xác định thì mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ bất đồng về quan điểm lối sống đôi bên, anh P còn chơi bời, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau; mặc dù chị và bố mẹ hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng tình trạng vợ chồng không được cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn vì mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được dẫn đến việc chị bỏ về nhà mẹ đẻ sống ly thân với anh Phong.

Anh P mặc dù biết chị H đã khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết việc ly hôn với anh, nhưng anh không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình; anh không đồng ý ly hôn nhưng anh P không có biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn cải thiện quan hệ vợ chồng, nhằm duy trì hôn nhân; có ý bỏ mặc không quan tâm đến cuộc sống chung.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị H và anh P tại UBND xã K là nơi anh chị đăng ký thường trú thì chính quyền địa phương xác nhận từ năm 2016 do mâu thuẫn vợ chồng nên chị H và các con đã về xã K sinh sống, còn anh P về thị trấn B ở đến nay còn nguyên nhân mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không nắm được.

Như vậy chị H xác định vợ chồng không thể chung sống cùng nhau được vì mâu thuẫn đã trầm trọng do bất đồng quan điểm lối sống và anh P chơi bời không

quan tâm đến cuộc sống gia đình, không quan tâm đến vợ con là có căn cứ; trên thực tế vì mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được hai bên đã ly thân từ năm 2016. Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh P và chị H hiện nay đã trầm trọng, không còn khả năng khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị H giải quyết ly hôn anh M là có căn cứ được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Trần Hồng P xác định vợ chồng có ba con chung là Trần Thị Thu T, sinh ngày 10/01/2002; Trần Thị Thu N, sinh ngày 29/3/2008 và Trần Phương O sinh ngày 18/01/2011 hiện đang được chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu thứ hai và thứ ba và để anh P trực tiếp nuôi con lớn đồng thời yêu cầu anh P đóng góp tiền nuôi cháu thứ ba cho chị là 1.000.000đ/1 tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng từ thời điểm 2016 vợ chồng chị H và anh P ly thân đến nay, các con chung đều ở với chị H; cả ba con chung của vợ chồng đều là con gái khi được hỏi ý kiến thì các cháu đều mong muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn; về phía anh P không chấp nhận yêu cầu này của chị H vì anh cho rằng chị H không đủ khả năng để một mình chăm sóc, giáo dục cả ba con; trong khi anh P và chị H đều làm nghề tự do thu nhập không cao; hơn nữa anh P thường làm ăn xa thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng con chung hạn chế. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự cũng như sinh hoạt, học tập và sự phát triển bình thường của các con chung và căn cứ vào điều 81, 82, 83 luật HNGĐ giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục hai cháu Trần Thị Thu N, sinh ngày 29/3/2008 và Trần Phương O sinh ngày 18/01/2011; giao anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục Trần Thị Thu T, sinh ngày 10/01/2002 và buộc anh P phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Trần Phương O với chị H 1.000.000đ/1 tháng đến khi thành niên theo đề xuất của chị H là phù hợp.

[4] Về tài sản: chị H không yêu cầu giải quyết, anh P không có phản tố về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí căn cứ điều 147 BLTTDS và Nghị Quyết 326/2016/NQUBTVQH14 thì chị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp; anh P phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí.

1/ Xử lý hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trần Hồng P.

2/ Giao chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Trần Thị Thu N, sinh ngày 29/3/2008 và Trần Phương O sinh ngày 18/01/2011. Giao anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Trần Thị Thu T, sinh ngày 10/01/2002. Anh P phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung Trần Phương O cho chị H mỗi tháng 1.000.000đ kể từ tháng 08/2018 đến khi thành niên. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357 và Điều 468 BLDS.

3/ Án phí ly hôn sơ thẩm do chị H phải nộp 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002836 ngày 11/5/2018 của Chi cục Thi hành án huyện K. Anh P phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh